

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 11/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về đột phá "Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả";

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Để đẩy mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nhanh, bền vững, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tiếp tục duy trì, phát huy đối với các nhóm chỉ số thành phần có vị trí cao - điểm mạnh, cải thiện đối với các chỉ số thuộc nhóm xếp hạng thấp (nhóm 31-34 tỉnh/thành phố), nhất là đối với các chỉ số được xác định là điểm yếu; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số PII, về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực sở, ngành, địa phương quản lý.

- Duy trì, phát huy đối với các nhóm chỉ số thành phần có vị trí cao được xác định là điểm mạnh; cải thiện, khắc phục các chỉ số có điểm số thấp, nhất là các chỉ số xếp hạng từ 31-34 tỉnh/thành phố.

- Xác định được các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai nhanh, bền vững, chủ yếu dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Xác định việc đánh giá, cải thiện và nâng cao chỉ số PII là nhiệm vụ chính trị của các sở, ban, ngành và địa phương, qua đó lựa chọn được các định hướng, giải pháp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, phân công rõ cơ quan chịu trách nhiệm và kết quả thực hiện.

- Tăng cường chia sẻ dữ liệu, phối hợp liên thông giữa các sở, ngành trong công tác cập nhật, đánh giá chỉ số.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030, Chỉ số PII tỉnh Đồng Nai nằm trong nhóm 04 tỉnh/thành phố dẫn đầu của cả nước.

2. Đến năm 2030, có hơn 80% chỉ số thành phần của tỉnh Đồng Nai nằm trong nhóm 04 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước; không có trụ cột nào nằm trong nhóm từ 31-34 tỉnh/thành phố.

3. Tăng dần vị trí của các chỉ số, đặc biệt quan tâm nhóm các chỉ số được xác định là điểm yếu, các chỉ số nằm trong nhóm xếp hạng thấp (nhóm 31-34

tỉnh/thành phố) gồm: *Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp; Quản trị môi trường; Tỷ lệ chi tiêu cho nghiên cứu phát triển so với tổng sản phẩm trên địa bàn (Chi cho R&D/GRDP); Cạnh tranh bình đẳng; Chi ngân sách địa phương khoa học và công nghệ so với tổng sản phẩm trên địa bàn (Chi cho khoa học và công nghệ/GRDP).*

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt nhận thức đến cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Đồng Nai trong năm 2026 và các năm tiếp theo đến các Sở, ban, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cụ thể, sát với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

2. Các sở, ban, ngành đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nhiệm vụ thuộc các chỉ số được đánh giá có thứ hạng thấp cần cải thiện (*bao gồm: (1) Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng, (2) 2.2.2. Chi ngân sách địa phương cho khoa học và công nghệ /GRDP (%), (3) 2.2.3 Chi cho R&D/GRDP (%), (4) 5.1.1 Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp (%)*) chủ động tìm hiểu nội hàm, ý nghĩa nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán của từng chỉ số; phân tích, nghiên cứu kết quả đánh giá của Chỉ số để xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao, cải thiện giá trị và xếp hạng của chỉ số thành phần, góp phần nâng cao chỉ số PII của tỉnh.

3. Tiếp tục duy trì và nâng cao các điểm mạnh thuộc các chỉ số thành phần có vị trí cao (*3.1.1 Hạ tầng số; 3.2.1 Cơ sở hạ tầng chung; 4.1.2 Tài chính vi mô/GRDP; 4.2.3 Đóng góp GDP cho cả nước; 5.3.2 Tỷ lệ DN có hoạt động đổi mới sáng tạo*); tăng bậc và cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp, điểm số thấp trong bảng xếp hạng; phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu dựa trên các chỉ tiêu thành phần, từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện phù hợp, kịp thời xây dựng và ban hành hoàn thiện các chính sách.

4. Thực hiện nghiêm túc việc thu thập thông tin, số liệu báo cáo theo yêu cầu đảm bảo đúng, đủ phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá chỉ số PII.

IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành đổi mới phương pháp thực hiện phù hợp, triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần của Chỉ số PII, đặc biệt nghiên cứu nắm vững nội dung của chỉ số; chủ động trong công tác tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành góp phần nâng cao chỉ số PII, như sau:

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các sở, ban, ngành về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII

a) Giao Giám đốc các sở, ban, ngành

- Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng của chỉ số PII để cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tiếp tục rà soát các chỉ số thành phần của PII thuộc lĩnh vực ngành, quản lý; chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai đúng tiến độ các tiêu chí và chỉ tiêu thành phần theo lĩnh vực của đơn vị, địa phương được phân công tại Kế hoạch này.

b) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về Chỉ số PII trên báo, đài và trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức Hội thảo khoa học công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) và đề xuất giải pháp, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Tập trung cải thiện để tăng điểm số các chỉ số thành phần có điểm số thấp, duy trì và tiếp tục nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có điểm số tốt

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

3. Cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số PII cấp tỉnh hàng năm

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tiếp tục triển khai hiệu quả thu thập thông tin, số liệu phục vụ cho công tác tính toán, đánh giá Bộ chỉ số PII hàng năm (theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ), phân đầu duy trì Chỉ số PII của Đồng Nai thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn về nội dung, ý nghĩa, phương pháp tính toán, nguồn dữ liệu của Bộ chỉ số; tổng hợp, cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu trên phần mềm tính toán của Bộ Khoa học và Công nghệ trước 30/7 hàng năm.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số PII do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hàng năm; thực hiện phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số PII của tỉnh và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; làm đầu mối giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Trong trường hợp Bộ chỉ số có thay đổi, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu đề xuất UBND tỉnh sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp tình hình thực tế.

2. Các sở, ban, ngành

- Căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp chi tiết được giao tại Kế hoạch này, thường xuyên theo dõi các chỉ số thành phần thu thập từ dữ liệu của Trung ương và địa phương, triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần được phân công đảm bảo hiệu quả; duy trì, cải thiện, nâng cao chỉ số PII của tỉnh, đặc biệt là các chỉ số có điểm số thấp, được xác định là điểm yếu.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, tính khả thi và hiệu quả của các chính sách hiện tại, kịp thời tham mưu UBND tỉnh các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đối với các chỉ số thành phần được cung cấp tại địa phương, các sở, ngành căn cứ phân công, cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng, báo cáo theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ, hoàn thành trước ngày 15/7 hàng năm để phục vụ tính toán chỉ số PII của tỉnh.

3. UBND các xã, phường

Trên cơ sở báo cáo kết quả, phân tích đánh giá chỉ số PII hàng năm và các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Kế hoạch này, chủ động nghiên cứu, rà soát, lồng ghép vào các nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương; phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai, áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, đảm bảo việc định hướng mô hình phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành,

cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện chất lượng, hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thống kê tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Đồng Nai;
- Các trường Đại học và Cao đẳng;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh.
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PII TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung	Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Chủ trì	Phối hợp	
1	Thể chế			
1.1	Nhóm chỉ số Môi trường chính sách			
1.1.1	Chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	- Nghiên cứu tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Tiếp tục tham mưu và triển khai có hiệu quả các chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội...
1.1.2	Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự	- Sở Tư pháp - Công an tỉnh - Tòa án Nhân dân tỉnh	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	- Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI - Tham mưu quy chế chia sẻ, khai thác dữ liệu an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân. - Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho nền tảng số, phòng chống tội phạm công nghệ cao, bảo vệ giao dịch số, thương mại điện tử.
1.1.3	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	Tăng cường triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong đó ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
1.2	Nhóm chỉ số Môi trường kinh doanh			
1.2.1	Chi phí gia nhập thị	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao

	trường		- UBND xã, phường	các chỉ số thành phần thuộc PCI
1.2.2	Tính năng động của chính quyền địa phương	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI
1.2.3	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	Tăng cường triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính
1.2.4	Cạnh tranh bình đẳng	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI
2	Vốn con người và nghiên cứu phát triển			
2.1	Nhóm chỉ số Giáo dục			
2.1.1	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND xã, phường - Các trường THPT, cơ sở giáo dục	- Tăng cường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục gắn với thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nhà trường; tổ chức đa dạng các sân chơi, cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và STEM dành cho học sinh THCS, THPT. - Nâng cao công tác phát hiện và tuyển chọn học sinh năng khiếu. - Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; đồng thời tham chiếu yêu cầu tư duy của các kỳ thi Olympic, học sinh giỏi cấp quốc gia và quốc tế. - Phát triển đội ngũ giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi. - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ cho trường phổ thông đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học và chuyển đổi số; đặc biệt
2.1.2	Học sinh đạt giải kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh - UBND xã, phường - Các trường THPT, cơ sở giáo dục	

				<p>đối với trường chuyên và trường năng khiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng mức thưởng, học bổng và chính sách ưu tiên tuyển thẳng cho học sinh đạt giải quốc gia và quốc tế. Vinh danh cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, truyền thông về thành tích học sinh giỏi nhằm lan tỏa tinh thần hiếu học. - Đẩy mạnh công tác xã hội hóa để nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi
2.1.3	Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân 1 người đi học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm. - Tham mưu nguồn kinh phí chi giáo dục và đào tạo từ ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định.
2.2	<i>Nhóm chỉ số Nghiên cứu và Phát triển</i>			
2.2.1	Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Trường Đại học Đồng Nai - Các trường Đại học và cao đẳng - Các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và thu hút nhân lực nghiên cứu và phát triển chất lượng cao. - Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN ngoài công lập, khuyến khích doanh nghiệp thành lập trung tâm R&D, phòng thí nghiệm công nghệ. - Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhân lực R&D. - Khuyến khích doanh nghiệp tham gia R&D: Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp; Khen thưởng, ghi nhận doanh nghiệp đầu tư mạnh cho R&D. - Hợp tác quốc tế và chuyển giao tri thức: Trao

				đổi nhân lực đến các trung tâm nghiên cứu quốc tế học tập...
2.2.2	Chi ngân sách địa phương cho khoa học và công nghệ/GRDP (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Trường Đại học Đồng Nai - Các trường Đại học và cao đẳng - Các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định. - Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm.
2.2.3	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D)/GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Trường Đại học Đồng Nai - Các trường Đại học và cao đẳng - Các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định. - Phân bổ tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. - Tăng đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khu vực doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp thành lập quỹ nghiên cứu và phát triển KH&CN của doanh nghiệp... - Huy động nguồn lực xã hội ngoài ngân sách cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Phát triển hạ tầng và môi trường thuận lợi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: cơ sở vật chất nghiên cứu, cơ sở dữ liệu khoa học

				và công nghệ...
2.2.4	Số tổ chức khoa học và công nghệ/10.000 dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ; Thúc đẩy tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ; Khuyến khích thành lập tổ chức KH&CN... - Phát triển tổ chức KH&CN trong các trường đại học và viện nghiên cứu. - Thúc đẩy hình thành tổ chức KH&CN trong doanh nghiệp, công lập và ngoài công lập. - Tăng cường truyền thông và kết nối mạng lưới tổ chức KH&CN.
3	Cơ sở hạ tầng			
3.1	Nhóm chỉ số Hạ tầng ICT			
3.1.1	Hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số Chuyển đổi số (DTI), trong đó chú trọng và nâng cao các chỉ số thành phần Hạ tầng số, Cơ sở hạ tầng cơ bản (loại hạ tầng viễn thông). - Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông triển khai phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.
3.1.2	Quản trị điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	Duy trì và nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh (PAPI).

3.2 Nhóm chỉ số Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái				
3.2.1	Cơ sở hạ tầng chung	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Xây dựng - Sở Công Thương - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh gắn với tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch của tỉnh; thực hiện tốt việc quy hoạch các khu chức năng và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. - Đẩy mạnh lòng ghép các nguồn lực đầu tư; chú trọng đầu tư các công trình trọng điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích đầu tư do Chính phủ ban hành để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực và kinh nghiệm đầu tư hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Các đơn vị tổng hợp báo cáo.
3.2.2	Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%)	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả các kế hoạch, quy hoạch phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông của tỉnh, tạo điều kiện cho việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc, phục vụ quá trình xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh và đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.
3.2.3	Quản trị môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh (PAPI) - Tiếp tục tham mưu các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng nước; chất lượng không khí.

4	Trình độ phát triển của thị trường		
4.1	Nhóm chỉ số Tài chính và đầu tư		
4.1.1	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai	
4.1.2	Vay tài chính vi mô/GRDP (%).	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai	<p>Tham mưu triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh - Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập Chương trình kết nối ngân hàng với doanh nghiệp định kỳ, công khai gói tín dụng ưu tiên theo lĩnh vực. - Phát triển Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm yêu cầu thế chấp tài sản. - Ưu tiên tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xanh hóa sản xuất. - Khuyến khích ngân hàng chính sách xã hội mở rộng đối tượng vay, đặc biệt cho doanh nghiệp sáng tạo, HTX đổi mới mô hình sản xuất.

4.1.3	Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp (tỷ đồng).	Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ngành - Thống kê tỉnh - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai - Các doanh nghiệp trong tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các giải pháp phát triển doanh nghiệp; đầu tư, phục vụ cho sản xuất. - Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp như Hỗ trợ chi phí tư vấn, chuyển giao công nghệ, và chứng nhận kỹ thuật cho doanh nghiệp nâng cấp dây chuyền sản xuất. - Áp dụng cơ chế ưu đãi tín dụng xanh cho doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thân thiện môi trường. <p>Xây dựng chương trình hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đổi mới dây chuyền sản xuất, chuyển đổi số quy trình.</p>
4.1.4	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp (tỷ đồng).			
4.2	Nhóm chỉ số Quy mô thị trường			
4.2.1	Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ /1.000 doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
4.2.2	Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân	Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.
4.2.3	Đóng góp vào GDP cả nước (%).	Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. - Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm.
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp			
5.1	Nhóm chỉ số lao động có tri thức			

5.1.1	Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp (%)	Sở Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Các cơ sở giáo dục - đào tạo - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch 	Tham mưu các giải pháp phát triển nguồn nhân lực và khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đào tạo lao động, góp phần cải thiện chỉ số thành phần về lao động có kỹ năng trong PCI
5.1.2	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)	Sở Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Các cơ sở giáo dục - đào tạo 	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển thị trường lao động; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở giáo dục - đào tạo và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh
5.1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	Tham mưu các giải pháp phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.
5.2	Nhóm chỉ số Liên kết sáng tạo			
5.2.1	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp (%)	Sở Khoa học và Công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giữa viện - trường - doanh nghiệp. - Tăng số lượng và hiệu quả các dự án nghiên cứu ứng dụng có doanh nghiệp tham gia.
5.2.2	Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu triển khai các giải pháp: Thu hút nhà đầu tư mới; tháo gỡ khó khăn, đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được cấp; phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất

			- Thuế tỉnh Đồng Nai	kinh doanh trong các khu công nghiệp. - Nâng cao tỷ lệ lấp đầy và chất lượng các dự án trong khu công nghiệp. - Tăng ưu đãi thuế và hỗ trợ tiền thuê đất dài hạn cho doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo, thân thiện môi trường.
5.2.3	Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo	Sở Công Thương	- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh. - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch - UBND xã, phường	- Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp
5.3	<i>Nhóm chỉ số Hấp thu tri thức</i>			
5.3.1	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%).	Sở Tài Chính	- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh. - UBND xã, phường - Thống kê tỉnh - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	- Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi, xúc tiến đầu tư và quảng bá hình ảnh tỉnh,... thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. -Rà soát, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư
5.3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (%).	Sở Khoa học và Công nghệ	- Thống kê tỉnh - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Hiệp hội Doanh nghiệp Đồng Nai	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức chức, cá nhân biết, áp dụng chính sách theo các Nghị quyết: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

				<p>Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị... Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</p> <p>- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình KH&CN cấp quốc gia, như đổi mới công nghệ, nâng suất chất lượng, chuyển giao sáng chế.</p> <p>- Đào tạo chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, quản trị sáng tạo và chuyển đổi số cho lãnh đạo doanh nghiệp.</p>
5.3.3	Số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/1.000 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	<p>Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến</p>
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ			
6.1	Nhóm chỉ số Sáng tạo tri thức			

6.1.1	Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sáng kiến và giải pháp hữu ích, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. - Hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
6.1.2	Đơn đăng ký giống cây trồng/10.000 dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường	- Khuyến khích đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ về thủ tục đăng ký quyền bảo hộ giống cây trồng. Phát triển mô hình ứng dụng giống mới vào sản xuất và thương mại hóa. - Tăng cường truyền thông và ghi nhận thành tựu nghiên cứu giống cây trồng. - Hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
6.2 Nhóm chỉ số Tài sản vô hình				
6.2.1	Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Công Thương - Sở Nông nghiệp và Môi Trường - UBND xã, phường	- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về vai trò của thương hiệu và quyền sở hữu trí tuệ. - Tăng số lượng doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu. - Tập huấn cho doanh nghiệp về đăng ký, bảo hộ và khai thác thương hiệu.
6.2.2	Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận/1.000 doanh nghiệp.			

6.2.3	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân.			- Liên kết với Cục Sở hữu trí tuệ để rút ngắn thời gian thẩm định và công bố. - Hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
6.2.4	Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý/1000 dân			
6.3	<i>Nhóm chỉ số Lan tỏa tri thức</i>			
6.3.1	Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Thống kê tỉnh	<p>Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp.</p> <p>- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, rút ngắn thời gian và đơn giản hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và tổ chức thành lập doanh nghiệp.</p> <p>- Đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể sang mô hình doanh nghiệp; triển khai các hoạt động tư vấn pháp lý, đào tạo kỹ năng khởi sự kinh doanh và hỗ trợ tiếp cận vốn.</p> <p>- Tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh môi trường kinh doanh của thành phố, thu hút doanh nghiệp mới từ các địa phương và quốc gia khác đến đăng ký hoạt động. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo và tăng tốc khởi nghiệp, qua đó hình thành thêm nhiều doanh nghiệp khởi nguồn từ sáng kiến đổi mới sáng tạo</p>

6.3.2	Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp khoa học và công nghệ/1.000 doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Nông nghiệp và Môi trường (chủ trì phát triển số lượng doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đạt các giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ; doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định. - Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm.
6.3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp /Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số DN mới thành lập (%).	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài Chính - Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Công Thương - Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh. - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức chức, cá nhân biết, áp dụng chính sách về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp - Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm.
7	Tác động			
7.1	<i>Nhóm chỉ số Tác động đến sản xuất kinh doanh</i>			
7.1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Thống kê tỉnh 	Tham mưu, triển khai các chính sách, giải pháp phát triển sản xuất các ngành công nghiệp, gia tăng khối lượng sản phẩm sản xuất, phát triển dịch vụ logistics.

7.1.2	Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/10.000 dân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu các giải pháp phát hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên. - Rà soát, đánh giá và mở rộng danh mục sản phẩm tiềm năng OCOP. - Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ hoàn thiện hồ sơ, quy trình sản xuất, bao bì, tiêu chuẩn chất lượng để được công nhận OCOP. - Ưu tiên phát triển OCOP gắn với vùng nguyên liệu và chỉ dẫn địa lý. - Tổ chức chương trình hỗ trợ nâng hạng OCOP bao gồm hỗ trợ đổi mới bao bì, nâng cấp tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, ISO, HACCP, OCOP quốc gia. - Tổ chức hội chợ OCOP thường niên và khu trưng bày OCOP cố định tại trung tâm thành phố và các điểm du lịch. - Đưa OCOP vào các chương trình xúc tiến thương mại quốc tế và liên kết vùng, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.
7.1.3	Giá trị xuất khẩu/GRDP	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương - Chi cục Hải quan Khu vực XVIII 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp - Phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu có

				<p>hàm lượng công nghệ và tri thức cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu
7.1.4	Tốc độ tăng năng suất lao động.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nội vụ - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Giáo dục và Đào tạo 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Thống kê tỉnh - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao năng suất lao động gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. - Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ công nhân. - Tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thiết bị cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động và sản xuất kinh doanh. - Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng quản trị và kỹ năng nghề cho người lao động, đặc biệt trong ngành công nghiệp, du lịch và dịch vụ số. - Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp - trường đại học - trung tâm đổi mới sáng tạo để đào tạo nhân lực theo nhu cầu thực tế
7.2	Nhóm chỉ số Tác động đến kinh tế - xã hội			
7.2.1	Tốc độ giảm nghèo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu giải pháp triển khai các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội. - Lồng ghép khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào các dự án giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới - Tăng cường truyền thông về các mô hình thoát nghèo bền vững, khuyến khích tinh thần tự lực, sáng tạo của người dân. - Mở rộng chương trình tín dụng ưu đãi, tài chính vi mô, giúp hộ nghèo và cận nghèo đầu tư

				sản xuất, kinh doanh nhỏ
7.2.2	Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng dân số (%)	Sở Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Thống kê tỉnh - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường thu thập, cập nhật và phân tích thông tin thị trường lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh. - Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm; tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. - Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong việc nắm bắt nhu cầu tuyển dụng, hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động. - Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh, tham mưu các giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm.
7.2.3	Thu nhập bình quân đầu người	- Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - Thống kê tỉnh - UBND xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, trong đó chú trọng xây dựng các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, ngành nghề nông thôn dựa vào các lợi thế của địa phương. - Tăng cường đào tạo nghề, giải quyết việc làm chất lượng cao, thúc đẩy năng suất lao động
7.2.4	Chỉ số phát triển con người	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo - Thống kê tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành - UBND xã, phường 	Tăng cường công tác rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu về sức khỏe, tri thức và thu nhập hàng năm. Đồng thời nghiên cứu khai thác tiềm năng trí tuệ của người Đồng Nai trên mọi miền đất

				nước và quốc tế hướng về xây dựng quê hương.
Tổng	52 chỉ số thành phần			